

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 494/XHNV-KT&ĐBCL
V/v phổ biến Báo cáo tổng kết khảo sát
sinh viên tốt nghiệp chính quy văn bằng 1
năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Các khoa/bộ môn;
- Phòng Đào tạo;
- Phòng Công tác sinh viên;
- Phòng Quản trị - Thiết bị.

Thực hiện Kế hoạch số 42/KH-XHNV-KT&ĐBCL ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Trường ban Chỉ đạo khảo sát Trường Đại học Khoa học Xã Hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp chính quy văn bằng 1 năm 2021.

Căn cứ vào nội dung của các phiếu khảo sát thu thập được từ sinh viên tốt nghiệp năm 2021 của 28 khoa/bộ môn, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã tiến hành xử lý số liệu và hoàn thành Báo cáo tổng kết khảo sát sinh viên tốt nghiệp chính quy văn bằng 1 năm 2021.

Ban Chỉ đạo lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan công bố Báo cáo tổng kết khảo sát sinh viên tốt nghiệp chính quy văn bằng 1 năm 2021 (Phụ lục I và II đính kèm) để các khoa/bộ môn và đơn vị có liên quan nắm được tình hình, rút kinh nghiệm và lên kế hoạch cải tiến trong công tác quản lý, tổ chức giảng dạy và hỗ trợ sinh viên.

Đề nghị các đơn vị liên quan phổ biến đến toàn thể viên chức và người lao động nội dung của Báo cáo này.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC-TH, KT&ĐBCL



Phụ lục I
BÁO CÁO TỔNG KẾT KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CHÍNH QUY
VĂN BẰNG 1 NĂM 2021 TRƯỜNG ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
(Ban hành kèm theo Công văn số 194/XHNV-KT&ĐBCL ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

I. TỔNG QUAN

Mục đích khảo sát

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM) hàng năm thực hiện khảo sát sinh viên tốt nghiệp (SVTN) nhằm:

- Đánh giá tỷ lệ tìm được việc làm của SVTN chính quy văn bằng 1, cử nhân tài năng, chất lượng cao, đồng thời lượng giá khả năng đáp ứng của SVTN về kiến thức và kỹ năng trong công việc hiện tại theo nhu cầu xã hội;
- Giúp Nhà trường thu nhận thông tin khách quan về “sản phẩm đào tạo”, có căn cứ để điều chỉnh, cải tiến công tác quản lý, tuyển sinh và đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội;
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về SVTN;
- Cung cấp minh chứng phục vụ cho công tác đánh giá, kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo và cấp cơ sở giáo dục.

Hình thức khảo sát

Nhà trường thực hiện khảo sát SVTN năm 2021 chủ yếu qua hình thức: khảo sát online thông qua hỗ trợ của phần mềm google docs, gửi phiếu khảo sát (PKS) qua email. Bên cạnh đó, một số khoa/bộ môn sử dụng hình thức phát PKS giấy, gọi điện thoại phỏng vấn SVTN.

Kết quả khảo sát thu về 1597 PKS trong đó có 1580 PKS hợp lệ trên tổng số 1755 SVTN chính quy văn bằng 1 của toàn trường, đạt tỷ lệ 90.03%. Tỷ lệ phản hồi này tương đương với tỷ lệ phản hồi của năm 2019, năm 2020 và cao hơn so với những năm trước đây (từ năm 2012 đến năm 2018).

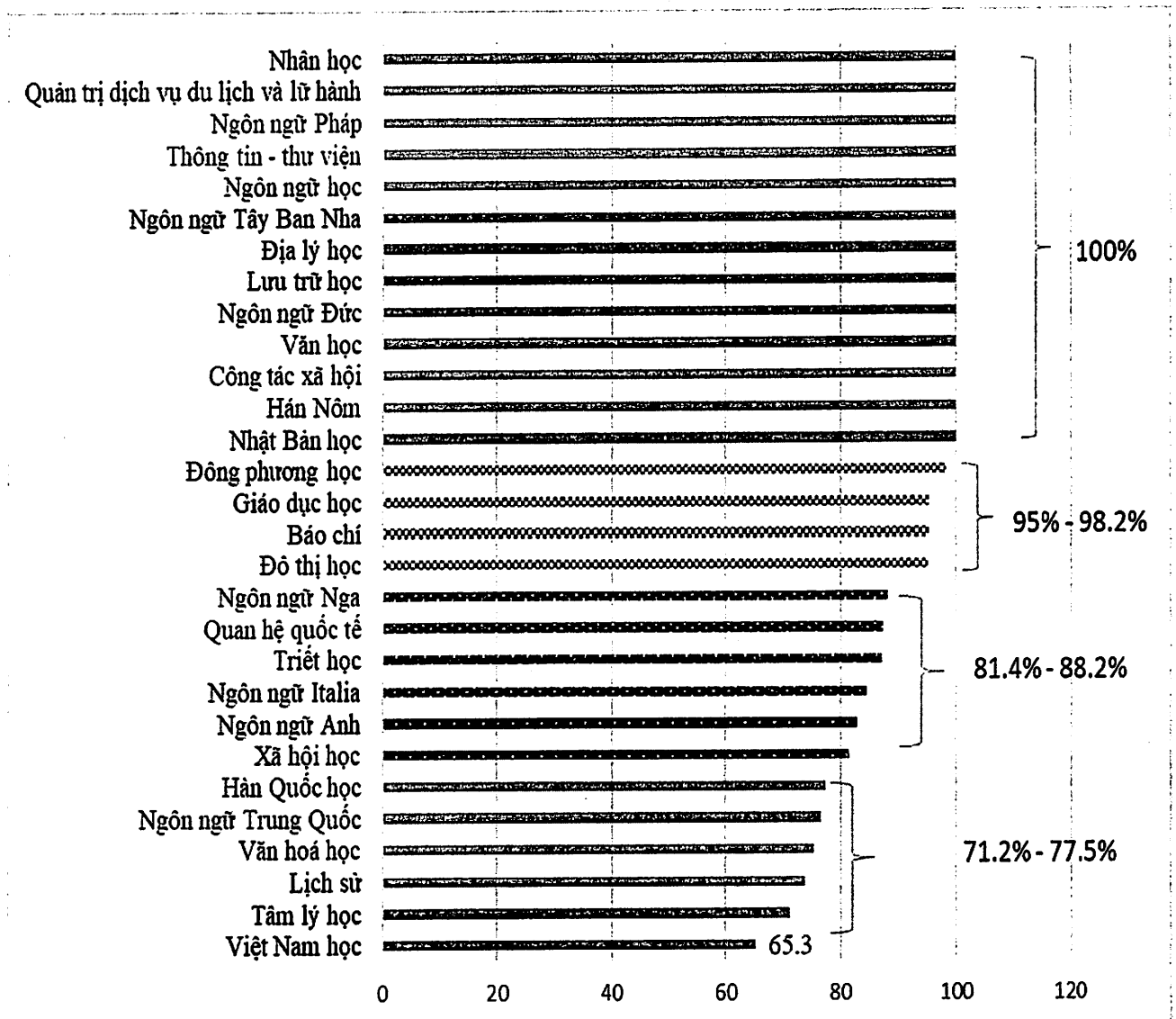
Thời gian khảo sát

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (P.KT&ĐBCL) đã phối hợp cùng với Ban Liên lạc Cựu sinh viên và Nhà tuyển dụng tại 28 khoa/bộ môn trực thuộc trường, tiến hành khảo sát SVTN năm 2021 theo danh sách 3 đợt công nhận tốt nghiệp. Cụ thể, thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 01/2022 đến tháng 10/2022.

II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021

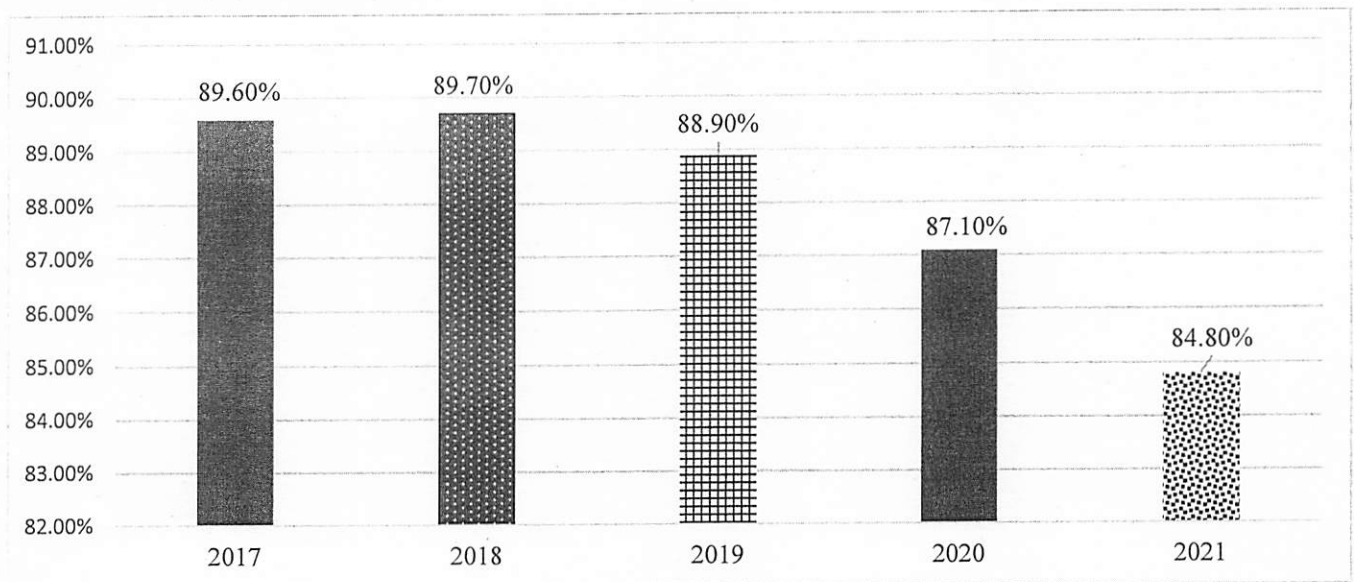
1. Tình hình chung

Sau bốn năm triển khai thực hiện công văn số 70/XHNV-KT&ĐBCL về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo chỉ thị của Ban giám hiệu, hoạt động khảo sát SVTN đã ổn định và đạt hiệu quả. Số lượng khoa/bộ môn thu PKS SVTN đạt tỷ lệ 100% tăng gấp đôi so với năm trước. Cụ thể: 13/28 khoa/bộ môn thu PKS SVTN đạt tỷ lệ 100%, 14 khoa/bộ môn thu PKS SVTN đạt tỷ lệ từ 71.2% đến 98.2%, riêng Khoa Việt Nam học đạt tỷ lệ khảo sát SVTN dưới 70% (xem *Biểu đồ 1*).



Biểu đồ 1: Tỷ lệ SVTN trả lời PKS trên tổng số SVTN của từng ngành học của khoa/bộ môn

Theo kết quả khảo sát thu được, trong 1580 SVTN (287 nam, 1293 nữ) tham gia trả lời khảo sát có 1280 SVTN năm 2021 đã có việc làm, chiếm tỷ lệ 81% và 300 SVTN chưa có việc làm, chiếm 19% (trong đó có 60 SVTN đang tiếp tục học sau đại học và tham gia các khóa học ngắn hạn khác). Áp dụng cách tính tỷ lệ SVTN có việc làm theo công văn số 3943/BGDĐT-GDĐT ngày 31/8/2018 {(Số lượng SVTN có việc làm + Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao)/ Tổng số SVTN được khảo sát phản hồi} thì **tỷ lệ SVTN năm 2021 có việc làm là 84.8%**, thấp hơn từ 2.3% đến 4.9% so với SVTN các năm trước đây (giai đoạn 2017 đến 2020) (xem *Biểu đồ 2*).

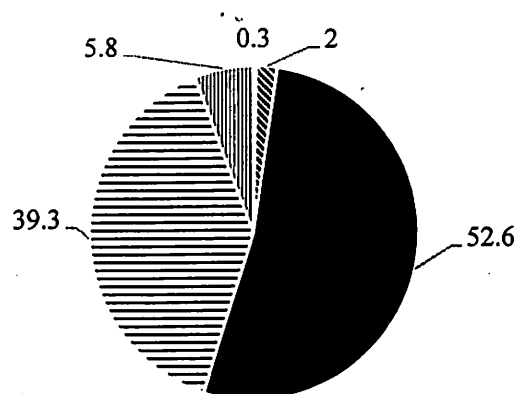


Biểu đồ 2: Tỷ lệ SVTN có việc làm trong 5 năm gần đây

Về xếp loại tốt nghiệp của SV trong 1580 SVTN năm 2021 tham gia khảo sát có:

- 1113 SVTN (chiếm 70.4%) xếp loại *khá*
- 295 SVTN (chiếm 18.7%) xếp loại *giỏi*
- 171 SVTN (chiếm 10.8%) xếp loại *trung bình khá*
- 1 SVTN (chiếm 0.1%) xếp loại *xuất sắc*

Khảo sát về khả năng sử dụng tin học văn phòng, 831/1580 SVTN (chiếm 52.6%) tự đánh giá khả năng tin học ở mức tương đối thành thạo (xem *Biểu đồ 3*).



■ Không sử dụng ▨ Không thành thạo ■ Tương đối thành thạo = Thành thạo ▨ Rất thành thạo

Biểu đồ 3: Khả năng sử dụng tin học văn phòng trong công việc hiện nay của SVTN

Tự đánh giá về khả năng sử dụng ngoại ngữ (là ngoại ngữ 2 đối với sinh viên chuyên ngữ) hiện nay của SVTN, bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ 1 = “không sử dụng được” đến 5 = “rất thành thạo”. Khi đó, giá trị các mức độ = (giá trị lớn nhất - giá trị nhỏ nhất)/số lượng các mức độ = $(5-1)/5 = 0.8$. Do đó, ý nghĩa các mức được phân chia như sau:

1.0 – 1.80: SVTN không sử dụng được

1.81 – 2.60: SVTN không thành thạo

2.61 – 3.40: SVTN tương đối thành thạo

3.41 – 4.20: SVTN thành thạo

4.21 – 5.00: SVTN rất thành thạo

Với cách quy đổi trên, kết quả khảo sát về khả năng sử dụng ngoại ngữ của SVTN được thể hiện dưới bảng sau (xem Bảng 1).

Bảng 1: Khả năng sử dụng các kỹ năng ngoại ngữ của SVTN

Khả năng sử dụng ngoại ngữ của SVTN	Không sử dụng được (%)	Không thành thạo (%)	Tương đối thành thạo (%)	Thành thạo (%)	Rất thành thạo (%)	ĐTB
Kỹ năng nghe	0.4	15.6	55.1	25.1	3.9	3.17
Kỹ năng nói	0.5	20.4	53.9	22.1	3.1	3.07
Kỹ năng đọc	0.6	8.7	51.4	34.0	5.3	3.35
Kỹ năng viết	0.8	20.8	52.8	23.1	2.6	3.06

Kết quả ở bảng 1 cho thấy cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của SVTN năm 2021 đều ở mức độ tương đối thành thạo, trong đó kỹ năng đọc có thang điểm trung bình cao nhất với 3.35 điểm, tiếp theo lần lượt là các kỹ năng: kỹ năng nghe (ĐTB= 3.17), kỹ năng nói (ĐTB=3.07) và kỹ năng viết (ĐTB=3.06). So sánh với kết quả khảo sát về khả năng sử dụng ngoại ngữ của SVTN năm 2020, ba kỹ năng nói, đọc, viết của SVTN năm 2021 đều được đánh giá thấp hơn từ 0.2 đến 0.5 điểm so với SVTN năm 2020.

2. Thông tin về sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm

Dưới đây là phần phân tích thông tin phản hồi của 1280 SVTN năm 2021 đã có việc làm được tính = 100%.

Thời gian xin việc của SVTN

Thời điểm SV tốt nghiệp đại học được tính từ khi nhà trường ký quyết định tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy SVTN có việc làm ngay trước khi tốt nghiệp là 28.7%, thời gian dưới 3 tháng để tìm được việc làm là 58.8%, từ 3 đến dưới 6 tháng là 7.8%, từ 6 đến dưới 12 tháng là 4.7%. Như vậy, đa số SVTN có việc làm trong khoảng thời gian dưới 3 tháng sau khi tốt nghiệp (chiếm 87.5%).

Kênh thông tin hỗ trợ tìm việc

SVTN tìm được công việc chủ yếu là thông qua phương tiện truyền thông (chiếm 54.6%), tiếp theo lần lượt là: thông qua sự giới thiệu của người thân và bạn bè (chiếm 34.2%), do trường giới thiệu (3.8%), thông qua trung tâm giới thiệu việc làm (chiếm 2%), thông qua hội chợ việc làm (chiếm 1%) và 4.3% SVTN tìm việc làm thông qua các kênh thông tin khác hoặc tự tạo việc làm.

Vị trí việc làm, thời gian làm việc và thành phần kinh tế của tổ chức, cơ quan nơi SVTN làm việc

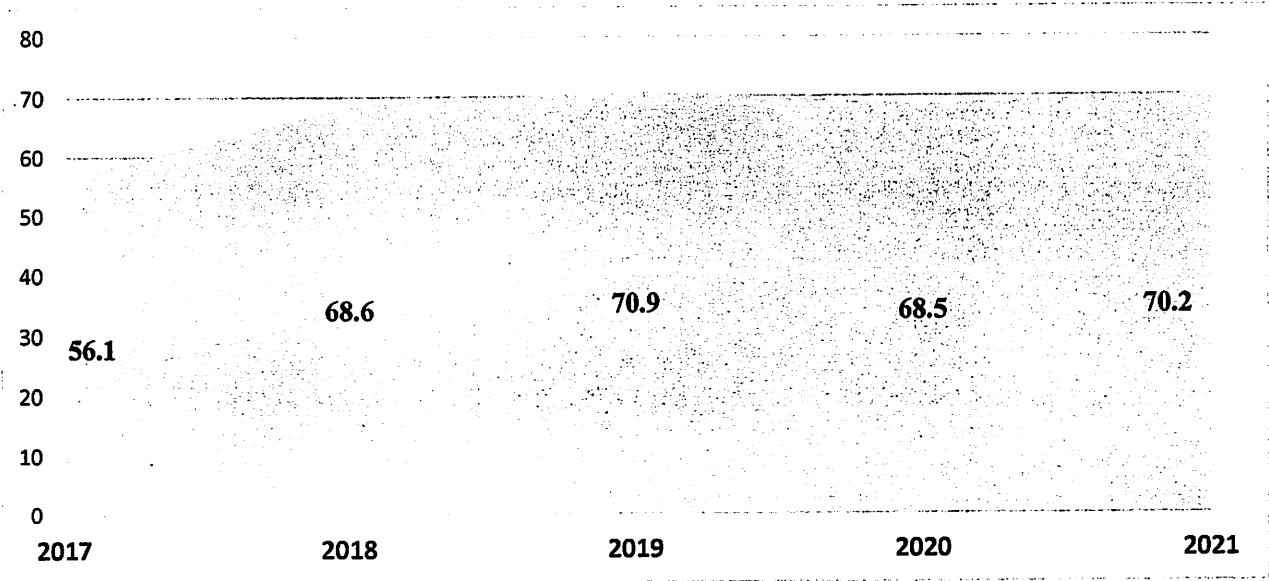
Nội dung	Thông tin chung về công việc hiện tại của SVTN
Lĩnh vực hoạt động của cơ quan/tổ chức	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của cơ quan/tổ chức nơi SVTN đang làm việc là:

	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ (30.4%) - Kinh doanh (26.4%) - Đào tạo-nghiên cứu (18.4%) <p>Bên cạnh các lĩnh vực hoạt động trên, 6.1% SVTN làm việc ở lĩnh vực khác như: y tế, bảo hiểm, chứng khoán, làm đẹp, vận tải và xây dựng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông (15.8%) - Văn hóa-xã hội (2.9%)
Loại hình cơ quan/tổ chức	SVTN năm 2021 làm việc trong các cơ quan/tổ chức thuộc các loại hình:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tư nhân (60.9%) - Có yếu tố nước ngoài (28.9%) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tạo việc làm (2.6%) - Nhà nước (7.7%)
Vị trí nghề nghiệp hiện nay của SVTN	SVTN năm 2021 đảm nhận nhiều vị trí nghề nghiệp khác nhau như nhân viên, giáo viên, biên tập viên, quản lý, chuyên viên,... nhưng phần lớn là nhân viên (57.2%).	
Số giờ làm việc trung bình	Thời gian làm việc của SVTN năm 2021 là:	
	<ul style="list-style-type: none"> - 8 giờ chiếm 77.2% - Dưới 8 giờ là 13.2% - Trên 8 giờ là 9.6%. 	
Thu nhập bình quân từ công việc	Mức thu nhập của SVTN năm 2021 có nhiều khác biệt:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 3 triệu (0.4%), - Từ 3 đến dưới 5 triệu (4.6%) - Từ 5 đến dưới 7 triệu (20.7%) 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 7 đến dưới 10 triệu (39.7%) - Từ 10 triệu trở lên (34.7%)
	Bình quân mức thu nhập của SVTN năm 2021 là 9.330 triệu đồng/tháng , tăng 580.000 ngàn đồng so với năm 2020 và tăng 840.000 ngàn đồng so với năm 2019.	

Tỷ lệ SVTN có việc làm đúng ngành, gần ngành, trái ngành đào tạo

Khảo sát về sự phù hợp giữa chuyên ngành đã học với việc làm hiện tại của SVTN năm 2021 thu được như sau: 28.8% SVTN làm đúng ngành đào tạo, 41.4% làm gần ngành đào tạo, và có 29.8% SVTN làm trái ngành đào tạo. Như vậy, có **70.2% SVTN năm 2021 có việc làm đúng và gần ngành đào tạo**. So sánh trong giai đoạn 5 năm (từ 2017 đến 2021), SVTN năm

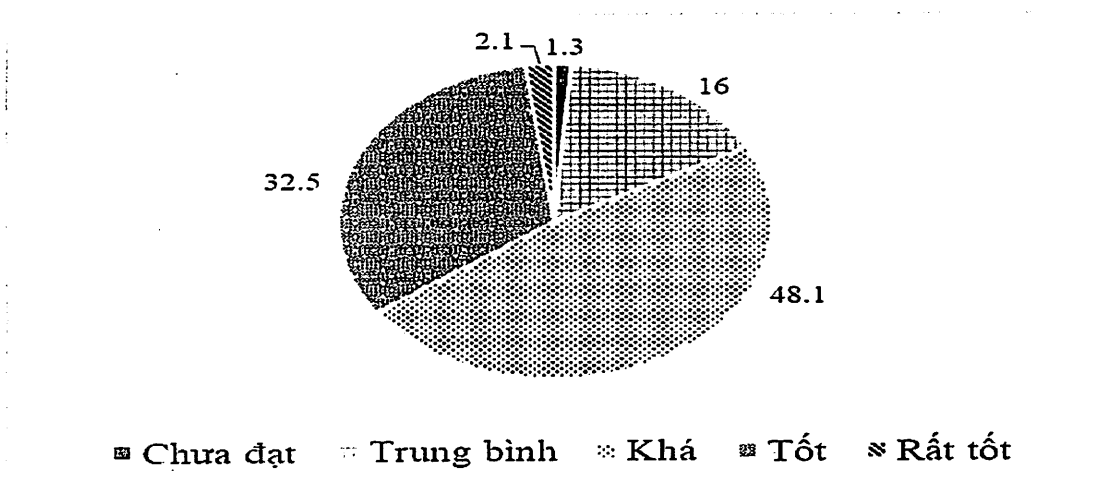
2021 có tỷ lệ làm việc đúng và gần ngành đào tạo cao hơn năm 2017, 2018, 2020 và thấp hơn so với năm 2019 (Xem Biểu đồ 4).



Biểu đồ 4: Tỷ lệ SVTN làm đúng và gần ngành đào tạo trong 5 năm gần đây

Mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đối với yêu cầu công việc hiện nay của SVTN

Kết quả khảo sát SVTN năm 2021 về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đối với yêu cầu công việc hiện nay cho thấy: 48.1% SVTN đánh giá chương trình đào tạo mà Nhà trường trang bị cho sinh viên có mức đáp ứng *khá* (Điểm TB chung: 3.18/5) so với yêu cầu công việc (xem Biểu đồ 5).



Biểu đồ 5: Mức độ đáp ứng của CTĐT đối với yêu cầu công việc hiện nay của SVTN

Sự phù hợp của công việc hiện tại với nguyện vọng của cá nhân SVTN

Khảo sát về sự phù hợp của công việc hiện tại với nguyện vọng cá nhân của các SVTN năm 2021 kết quả thu được như sau:

- 13.2% SVTN cảm thấy *hoàn toàn phù hợp*
- 24.8% SVTN cảm thấy *khá phù hợp*
- 45.3% SVTN cảm thấy là *tương đối phù hợp*
- 9.5% SVTN cảm thấy *không phù hợp lắm*
- 7.1% SVTN cảm thấy *hoàn toàn không phù hợp*

Các yếu tố giúp SVTN tìm được việc làm

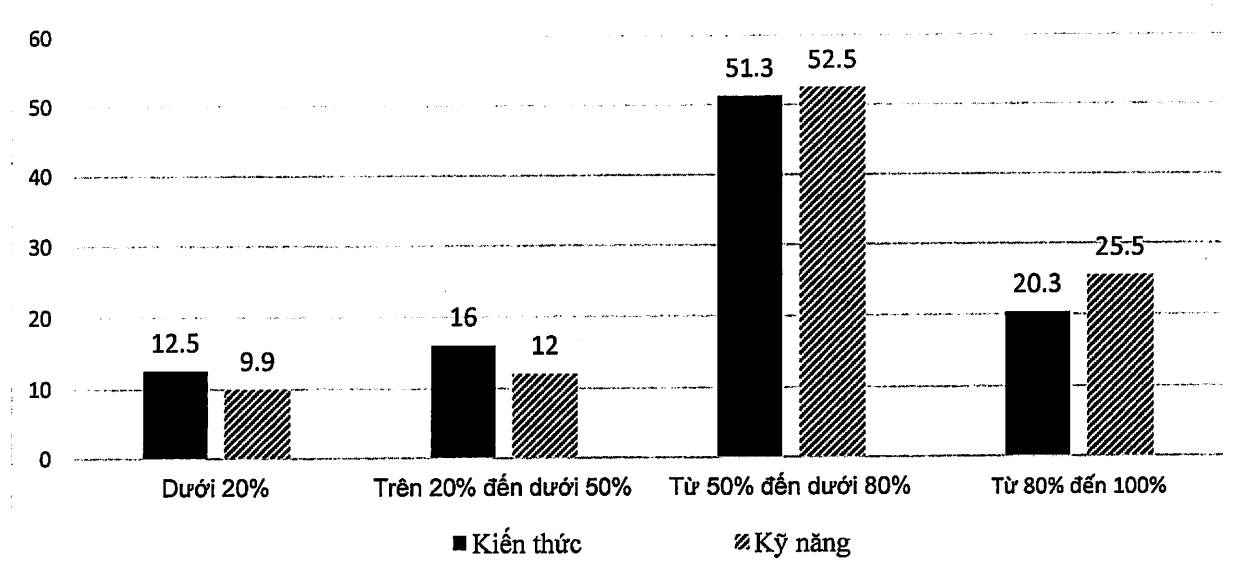
Trong số 8 yếu tố giúp SVTN năm 2021 được tuyển dụng hoặc tự tạo việc làm, yếu tố được SVTN đánh giá cao nhất là yếu tố *khả năng ngoại ngữ* (ĐTB = 3.88), kế tiếp là *kỹ năng mềm* (ĐTB = 3.83), thứ ba là *kiến thức chuyên môn* (ĐTB = 3.80) và thấp nhất là yếu tố *ngoại hình* (ĐTB = 3.04) (xem chi tiết *Bảng 2*).

Bảng 2: Mức độ quan trọng của các yếu tố giúp SVTN được tuyển dụng hoặc tự tạo việc làm

Các yếu tố giúp tìm được việc làm	Không quan trọng (%)	Ít quan trọng (%)	Tương đối quan trọng (%)	Khá quan trọng (%)	Rất quan trọng (%)	ĐTB
Kiến thức chuyên môn	2.8	11.8	31.4	30.3	23.7	3.60
Kỹ năng chuyên môn	2.0	7.9	27.9	32.1	30.0	3.80
Khả năng ngoại ngữ	1.2	8.0	24.4	34.4	32.0	3.88
Khả năng tin học	0.9	6.1	31.0	41.0	21.0	3.75
Kinh nghiệm làm việc	2.6	12.2	32.3	31.1	21.7	3.57
Mối quan hệ xã hội	5.8	15.1	36.2	28.2	14.7	3.31
Ngoại hình	7.9	20.5	39.0	24.7	8.0	3.04
Kỹ năng mềm	2.5	4.4	26.4	41.4	25.3	3.83

Mức độ sử dụng lượng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành được đào tạo tại trường vào công việc hiện tại

SVTN năm 2021 sử dụng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành với các mức tỷ lệ như biểu đồ sau (xem *Biểu đồ 6*).



Biểu đồ 6: Mức độ sử dụng lượng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành được đào tạo tại trường vào công việc hiện tại

Ngoài ra, từ 1653 lượt ý kiến của SVTN về việc đã sử dụng kiến thức/kỹ năng được đào tạo tại Trường vào quá trình làm việc cho thấy 5 loại kiến thức/kỹ năng được SVTN đề cập nhiều nhất là:

- 340 lượt ý kiến đã sử dụng kiến thức chuyên ngành
- 232 lượt ý kiến đã sử dụng kỹ năng mềm
- 182 lượt ý kiến đã sử dụng ngoại ngữ
- 175 lượt ý kiến đã sử dụng kỹ năng thực hành chuyên môn
- 154 lượt ý kiến đã sử dụng kỹ năng giao tiếp

Đồng thời qua câu hỏi mở về những môn học/loại kiến thức/kỹ năng cần được đào tạo sâu hơn, 1097 SVTN năm 2021 đánh giá kỹ năng mềm, kiến thức chuyên ngành, ngoại ngữ và tin học là những kiến thức, kỹ năng nên đào tạo sâu hơn (xem thông tin chi tiết trong Bảng 3). Ý kiến của SVTN năm 2021 cũng tương đồng với ý kiến của SVTN các năm trước.

Bảng 3: Những môn học hay loại kiến thức kỹ năng cần được đào tạo sâu

Những môn học hay loại kiến thức kỹ năng cần được đào tạo sâu	Số SVTN	Phần trăm
Kỹ năng mềm	359	32.7
Kiến thức chuyên ngành	215	19.6
Ngoại ngữ	171	15.6

Tin học	131	11.9
Kỹ năng chuyên ngành	106	9.7
Thực tập, thực tế	60	5.5
Biên phiên dịch	32	2.9
Kỹ năng/nghiệp vụ văn phòng	16	1.5
Nghiên cứu khoa học	4	0.4
Sử dụng các phần mềm	3	0.3
Tổng cộng	1097	100.0

Việc được đào tạo thêm về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ của SVTN trong quá trình làm việc

Kết quả khảo sát cho thấy sau khi ra trường có 1024 SVTN năm 2021 (chiếm 81.3%) được đào tạo thêm về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ trong quá trình làm việc để phục vụ cho công việc hiện tại, tập trung ở 4 mảng sau:

- Kiến thức liên quan đến công việc (kinh doanh, dịch vụ, quản lý...);
- Kỹ năng mềm (giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm, thuyết trình...);
- Nghiệp vụ (văn phòng, sư phạm, chuyên môn...);
- Công cụ, phương tiện phục vụ cho công việc hiện tại (tin học và ngoại ngữ).

Bảng 4: Tên các khóa đào tạo mà SVTN đã tham gia trong quá trình làm việc

Tên các khóa đào tạo mà SVTN đã tham gia trong quá trình làm việc	Số lượt ý kiến SVTN	Tên các khóa đào tạo mà SVTN đã tham gia trong quá trình làm việc	Số lượt ý kiến SVTN
Kiến thức liên quan đến công việc	258	Kỹ năng làm việc nhóm	7
Thái độ, kỹ năng mềm	122	Kỹ năng xử lý tình huống	7
Tin học	87	Nghiệp vụ bất động sản	7
Dịch vụ khách hàng	79	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	6
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	67	Kỹ năng quản lý thời gian	5
Nghiệp vụ sư phạm	60	Quản trị nhân sự	5
Marketing	50	Nghiệp vụ biên phiên dịch	4
Nghiệp vụ văn phòng	40	Nghiệp vụ bảo hiểm	4
Kỹ năng bán hàng	40	Nghiệp vụ ngân hàng	4
Sử dụng phần mềm chuyên dụng	38	Nghiệp vụ quản lý nhà nước	3
Kỹ năng quản lý	32	Kỹ năng điều hành công việc	3

Ngoại ngữ	28	Kinh doanh	2
Thư ký - kế toán	28	Kỹ năng thuyết trình	2
Tâm lý trẻ em	28	Kỹ năng lập kế hoạch	2
Kỹ năng về truyền thông	24	Kỹ năng dịch thuật	2
Nghiệp vụ nhân sự	24	kiểm tra thông tin	2
Kỹ năng đàm phán thương lượng	23	Nghiệp vụ ngoại giao	1
Chụp ảnh, dựng phim	19	Kỹ năng tham vấn, tư vấn	1
Nghiệp vụ báo chí	15	Kỹ năng viết tốc ký	1
Kỹ năng viết báo cáo	13	Nghiên cứu khoa học	1
Kiến thức về luật pháp	12	Nghiệp vụ báo chí nâng cao	8
Tổ chức sự kiện	10	Kỹ năng khai thác và tìm kiếm	8
Kỹ năng soạn thảo văn bản	10	Kỹ năng giải quyết vấn đề	7
Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	9	Tổng	1208

Mức độ ổn định trong công việc hiện tại của SVTN

Khảo sát về tỉ lệ SVTN thay đổi việc làm có 400/1280 SVTN (31.3%) đã thay đổi công việc và 303/1280 SVTN (23.7%) chưa hề thay đổi công việc. Số lần thay đổi công việc chủ yếu là từ 1 đến 2 lần với 334 SVTN (83.5%).

Lý do SVTN thay đổi công việc là:

- | | |
|--|---|
| - 22.1% do lương thấp | - 8.3% do công việc quá nhiều áp lực |
| - 17.9% do khó có cơ hội thăng tiến | - 6.8% do công việc không ổn định |
| - 15.9% do công việc/môi trường làm việc nhàm chán | - 5.4% vì lý do khác |
| - 11% do công việc trái ngành đào | - 3.8% do không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của công việc |
| - 8.8% do chỗ làm xa | |

3. Thông tin về sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm kể từ khi tốt nghiệp

Dưới đây là phân phân tích thông tin phản hồi của 300 SVTN năm 2021 chưa có việc làm được tính = 100%.

Những lý do SVTN chưa làm việc ngay sau khi tốt nghiệp bao gồm:

- | | |
|---|---|
| - 35.2% SVTN chưa có ý định tìm việc | - 20.9% SVTN đã xin việc nhưng chưa được tuyển dụng |
| - 32.1% SVTN chưa chọn được công việc phù | |

hợp để nộp đơn xin việc

- 11.8% SVTN vì lý do khác

Lý do 113 SVTN chưa có ý định tìm việc là

- 38.5% SVTN tiếp tục học

- 15.4% SVTN vì lý do cá nhân

- 19.2% SVTN vì lý do gia đình

- 26.9% SVTN vì lý do khác

Lý do 103 SVTN chưa chọn được công việc phù hợp để nộp đơn xin việc là do

- 28.9% do thiếu thông tin tuyển dụng

- 23% do thiếu mối quan hệ xã hội

- 25.1% do nhu cầu thị trường lao động thấp

- 23% vì lý do khác

đối với ngành đào tạo

Lý do 67 SVTN đã xin việc nhưng chưa được tuyển dụng chủ yếu là do:

- 24.7% do đang chờ thi tuyển, phỏng vấn

- 8.8% do vị trí công việc cạnh tranh

- 14.8% không nhận được phản hồi từ Nhà

- 8.2% do thiếu kiến thức chuyên môn

tuyển dụng

- 3.3% do khả năng tin học hạn chế

- 14.3% do thiếu kinh nghiệm làm việc

- 2.7% do thiếu kỹ năng mềm

- 10.4% do thiếu kỹ năng chuyên môn

- 3.8% vì lý do khác

- 8.8% do khả năng ngoại ngữ hạn chế

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy số hồ sơ xin việc mà SVTN năm 2021 chưa xin được việc làm (tính đến thời điểm khảo sát) gửi đến các công ty/cơ quan tuyển dụng trung bình là 5 hồ sơ và trung bình có 2.48 công ty/cơ quan tiến hành phỏng vấn sau khi SVTN nộp hồ sơ xin việc.

4. Nhận xét, góp ý của sinh viên tốt nghiệp

Dưới đây là nhận xét, góp ý của SVTN năm 2021 dành cho Nhà trường và các khoa/bộ môn về chương trình đào tạo (510 lượt), hoạt động giảng dạy của giảng viên (GV) với 108 lượt, cơ sở vật chất (144 lượt), dịch vụ hỗ trợ SV (63 lượt) và chia sẻ của SVTN với SV hiện đang học tại trường (5 lượt). (Thông tin chi tiết xem mục IV, Phụ lục II)

Góp ý về chương trình đào tạo

Có 510 lượt ý kiến phản ánh kỳ vọng đối với chương trình đào tạo, trong đó 3 ý kiến chiếm tỷ lệ cao là:

- Cần tăng thời gian thực tập (111 lượt ý kiến)

- Cần tăng thêm những môn học về kỹ năng mềm (72 lượt ý kiến)
- Cần kết hợp giữa lý thuyết với thực tiễn (56 lượt ý kiến)

Đây cũng chính là những ý kiến được SVTN trong giai đoạn 2016-2021 góp ý nhiều nhất về chương trình đào tạo. Điều này cho thấy sự đồng thuận cao giữa SVTN 5 năm gần đây trong góp ý về chương trình đào tạo. Nhà trường và các khoa/bộ môn cần có kế hoạch và lộ trình từng bước cải tiến những nội dung trên.

Góp ý về hoạt động giảng dạy của GV

Có **108 lượt ý kiến phản ánh về hoạt động giảng dạy của GV**, trong đó có 4 ý kiến chiếm tỷ lệ cao là:

- GV có phương pháp giảng dạy tốt (32 lượt ý kiến)
- GV nên cho nhiều ví dụ, bài tập thực tế và GV nên tạo điều kiện cho SV giao lưu với người nước ngoài (14 lượt ý kiến)
- GV nên bổ sung thêm cho SV những kinh nghiệm thực tế (12 lượt ý kiến)

Góp ý về cơ sở vật chất

Trong tổng số **144 lượt ý kiến**, trong đó có 3 ý kiến chiếm tỷ lệ cao như sau:

- Nâng cao cơ sở vật chất hạ tầng (51 lượt ý kiến)
- Nhà vệ sinh cần được dọn dẹp sạch sẽ hơn (17 lượt ý kiến)
- Cần xây nhà nghỉ trưa cho SV (12 lượt ý kiến)

Góp ý về dịch vụ hỗ trợ SV

Trong **63 lượt ý kiến góp ý về dịch vụ hỗ trợ SV** thì có 3 ý kiến chiếm tỷ lệ cao như sau:

- Dịch vụ hỗ trợ SV tốt (19 lượt ý kiến)
- Cần tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa (13 lượt ý kiến)
- Cần giải quyết thủ tục giấy tờ cho SV nhanh chóng, áp dụng nhiều hình thức hỗ trợ hơn (trực tiếp, gián tiếp) (10 lượt ý kiến)

Những ý kiến đóng góp trên đây của SVTN về dịch vụ hỗ trợ SV cần được các đơn vị có liên quan ghi nhận và cải tiến để nâng dần chất lượng của mảng công tác này tại trường

Những chia sẻ của SVTN với SV đang theo học tại trường

Có 5 lượt ý kiến chia sẻ của SVTN năm 2021 đối với SV đang theo học tại trường. Cụ thể:
 Các bạn SV: *nên học thêm các khoá học về kỹ năng mềm, nên có mục tiêu học tập rõ ràng, nên học thêm tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác; nên bổ sung nhiều kiến thức xã hội và nên đi thực tập nhiều.*

Lòng tự hào của SVTN về Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

SVTN năm 2021 tham gia trả lời PKS cảm thấy tự hào (ĐTB = 4.59) khi là SVTN của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát về tình hình việc làm của 1580 SVTN năm 2021 đã phần nào phản ánh được thực trạng sau khi tốt nghiệp của SV. Từ kết quả này, những điểm mạnh, điểm hạn chế và những ý kiến SVTN đề xuất trong quá trình đào tạo cần nhận diện và cải thiện. Kết quả khảo sát SVTN là một trong những kênh thông tin đáng tin cậy để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN. Mặt khác, ý kiến phản hồi của SVTN giúp nhà trường, khoa/bộ môn nhận diện chất lượng đào tạo và có những điều chỉnh, cải tiến kịp thời, hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Chị